

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông nhất việc xây dựng Định mức kinh tế - kỹ thuật để xác định giá dịch vụ đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang

**HỘI ĐỒNG TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG**

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 4889/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang nhiệm kỳ 2019 - 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐT ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục và đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 07/TTr-ĐHKG ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật để xác định giá dịch vụ đào tạo đại học tại Trường Đại học Kiên Giang;

Xét ý kiến của Ban Tài chính - Cơ sở vật chất tại Báo cáo số 23/TĐ-BTCCSVC ngày 30 tháng 3 năm 2024 thẩm định Tờ trình về việc thông qua dự thảo xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật để xác định giá dịch vụ đào tạo đại học tại Trường Đại học Kiên Giang;



Theo ý kiến thống nhất của thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang tại kỳ họp lần thứ 23, nhiệm kỳ 2019 - 2024 ngày 30 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật để xác định giá dịch vụ đào tạo đại học tại Trường Đại học Kiên Giang theo Tờ trình số 07/TTr-ĐHKG ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang, cụ thể:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo trình độ đại học:

TT	NỘI DUNG CHI	TT14 (%)	ĐHKG (%)
I	CÁC CHI PHÍ TRỰC TIẾP	62,0	71,4
1	Các nội dung chi phí ban đầu để mở		8,5
1.1	Chi phí xây dựng khung chương trình, biên soạn đề cương chi tiết, biên soạn giải trình tài liệu, kiểm định chất lượng	3,0	2,0
1.2	Các chi phí khác liên quan việc mở mã ngành	1,0	0,5
1.3	Chi phí tuyển sinh và quảng bá tuyển sinh	10,0	6,0
2	Các khoản tiền lương tiền công giảng dạy, đào tạo và bộ phận hành chính trực tiếp hỗ trợ, phục vụ lớp học tại giảng đường	33,0	43,78
a	Tiền lương, tiền công bình quân của 1 giảng viên giảng dạy theo chương trình đào tạo trong năm 01 năm		
b	Đơn giá bình quân 1 tiết giảng dạy lý thuyết		
2.1	Chi phí giảng dạy lý thuyết cho 1 năm học (vượt giờ)		16,6
2.2	Chi phí giảng dạy thực hành, thí nghiệm (THTN), thực tập, thực tế 1 năm học		25,2
2.3	Tiền lương tiền công bộ phận hành chính, hỗ trợ, phục vụ trực tiếp lớp học tại giảng đường (vệ sinh, đóng mở phòng học, phòng THTN...)		2,0
3	Chi phí coi thi, chấm thi	2,0	2,0
4	Các khoản chi theo quy định về học	8,0	13,0
4.1	Tiền học bổng khuyến khích học tập		8,0
4.2	Chi cho sinh viên và người học hoạt động NCKH theo Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ. Kinh phí từ nguồn thu học phí.		5,0

TT	NỘI DUNG CHI	TT14 (%)	ĐHKG (%)
5	Chi phí khấu hao TSCĐ trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo	5,0	3,5
6	Chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thường xuyên trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo		0,62
II	CÁC CHI PHÍ QUẢN LÝ, CHI PHÍ GIÁN TIẾP	25,0	24,0
1	Các khoản chi thường xuyên như: điện, nước, internet, dịch vụ công cộng khác	10,0	7,0
2	Chi phí tiền lương, tiền công bộ máy cán bộ quản lý, hành chính, phục vụ (không bao gồm bộ phận trực tiếp tại giảng đường sinh viên học)	8,0	6,5
3	Chi khấu hao TSCĐ (nhà làm việc khối hành chính, văn phòng khoa, tổ bộ môn, TSCĐ dùng chung khác)	5,0	5,0
4	Chi phí khác (như: hoạt động Đảng, Đoàn thể, Đoàn thanh niên, chi cho lao động nữ, các hoạt động phong trào của sinh viên và CBVC, đoàn ra, đoàn vào, chi khác,...)	2,0	2,0
5	Chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thường xuyên		3,0
6	Nộp thuế TNDN (2% học phí)		2,0
III	CHI PHÍ CHI THU NHẬP TĂNG THÊM, PHÚC LỢI LỄ TẾT; TRÍCH LẬP CÁC QUỸ: KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI, DỰ PHÒNG ỔN ĐỊNH THU NHẬP	13,0	4,6
1	Chi phí thu nhập tăng thêm, phúc lợi lễ tết	3,0	1,4
2	Trích lập các quỹ: khen thưởng phúc lợi, dự phòng ổn định thu nhập, đầu tư phát triển	10,0	3,2
TỔNG		100,0	100,0

2. Chi phí đào tạo chi tiết chi từng ngành, khối ngành:

Khối ngành	Chi phí trực tiếp (%)	Chi phí gián tiếp (%)	Các quỹ (%)	Tổng tỷ trọng (%)
Khối ngành 1	69,7	24,0	6,3	100
Khối ngành 3	68,5	24,0	7,5	100
Khối ngành 4	75,1	24,0	0,9	100
Khối ngành 5	72,5	24,0	3,5	100
Khối ngành 7	71,2	24,0	4,8	100
Bình quân đại trà	71,4	24,0	4,6	100

Điều 2. Giao Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật để xác định giá dịch vụ đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang theo Nghị quyết này và các văn bản quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký. Ban Giám hiệu, trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Kiên Giang có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy Trường;
- Thành viên HĐT;
- Lưu: VT, HCQT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

TS. Nguyễn Tuấn Khanh

